TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 02 – 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đổi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1092/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 2005

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Dương Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng cưới nhau từ năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/2023. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ ngày 17/7/2024 cho đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông P có 01 con chung là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/4/2023. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà T xác định bà và ông P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định bà và ông P không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày tại bản tự khai ngày 02/12/2024: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do ông còn tình cảm vợ chồng với bà T nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp, có căn cứ cho ly hôn thì ông P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phúc T1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông P xác định ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P xác định ông và bà T không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông P hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là bà Dương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Thị T:

[3.1]. Về hôn nhân: Xét thấy, bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn P tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 178/2023 đăng ký ngày 01/12/2023 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông P đã phát sinh mâu thuẫn như lời bà T và ông P trình bày và từ khi sống ly thân đến nay, ông P không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Tại lời trình bày của bà T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông P được nữa nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P. Đối với ông P thì ông tha thiết xin được đoàn tụ với bà T nhưng không được bà T chấp nhận. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông P là có

thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị T đối với ông Nguyễn Văn P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Tại thời điểm xét xử vụ án, bà T đồng ý giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phúc T1 và không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với ông P, trường hợp có căn cứ cho ly hôn thì ông P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phúc T1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3]. Về chia tài sản chung: Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn P thống nhất xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn P xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Buộc bà Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/4/2023 (hiện ông P đang nuôi dưỡng). Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông P không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Dương Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005845 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông P không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ